

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC THI ONLINE CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

RESEARCH FACTORS AFFECTING ONLINE EXAMINATION OF STUDENTS OF HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Dương Thu Trang¹, Nguyễn Thị Mai¹,
Lê Thị Ngân¹, Nguyễn Thị Tuyền^{2,*}

TÓM TẮT

Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đại học nói chung và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng đã thường xuyên tổ chức học và thi trực tuyến. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới việc thi online của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội lựa chọn phạm vi tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa phần yếu tố cơ sở vật chất ảnh hưởng đáng kể đến sinh viên trong quá trình thi online. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến cũng đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (bao gồm: (1) Cơ sở vật chất, (2) Công thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, (3) Kỹ năng làm bài và nộp bài của sinh viên, (4) Cán bộ coi thi, (5) Tâm lý của sinh viên). Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Từ khóa: Thi online, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, kết quả thi online.

ABSTRACT

Currently, many higher education institutions in general and Hanoi University of Industry in particular have regularly organized online learning and exams. Research on factors affecting the online examination of students at Hanoi University of Industry with a choice of scope at Hanoi University of Industry. Research results show that most of the facilities factors significantly affect students during the online exam. The analysis results of the multivariable linear regression model have also shown the factors affecting the online examination of students of Hanoi University of Industry (including: (1) Facilities, (2) Web portal of Hanoi University of Industry, (3) Student's test-taking and submission skills, (4) Examination staff, (5) Student psychology. The research results can serve as a basis for proposing solutions to overcome the factors affecting the online examination of students of Hanoi University of Industry.

Keywords: Online exam, Hanoi University of Industry, online exam results.

¹Lớp Quản trị văn phòng 1 - K14, Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: nttuyencd@gmail.com

1. GIỚI THIỆU

Những gián đoạn do đại dịch Covid-19 gây ra ảnh hưởng đến mọi quốc gia trong đó có các trường Đại học. Giảng viên và sinh viên phải đối mặt với nhiều thách thức. Chính vì thế lựa chọn học và thi online chính là một trong những lựa chọn lý tưởng và hợp lý nhất. Thông qua mạng

internet, quá trình học tập sẽ trở nên đơn giản và dễ dàng hơn. Tất cả sinh viên đều có thể học mọi lúc, mọi nơi, tranh thủ những khoảng thời gian rảnh để học tập. Có một số người còn kết hợp cả thời gian làm và thời gian học. Việc chủ động trong học tập online đã giúp nhà trường thu được những kết quả nhất định trong dạy và học.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Hình thức thi trực tuyến (online) giờ đã quá quen thuộc với các bạn trẻ thế hệ mới và đang được nhiều trường đại học áp dụng.

Các trường đại học không chỉ chú trọng cải thiện ứng dụng nền tảng số trong giảng dạy mà còn cả vấn đề kiểm tra trực tuyến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo cũng như an toàn cho sinh viên trong mùa dịch.

2.1. Khái niệm về thi online

Thi online là hình thức làm bài kiểm tra trên hệ thống online qua các công cụ điện tử như máy tính, tablet, điện thoại có kết nối internet. Các thí sinh, học viên tham gia thi trực tuyến sẽ phải truy cập trực tiếp vào website trực tuyến hoặc các ứng dụng thiết bị điện tử khác.

Hệ thống quản lý học tập hay còn gọi là LMS. Đây là phần mềm quản lý, phân phối, cung cấp mọi thông tin trong một khóa học, lớp học. Bao gồm tài liệu, video, khóa học... giúp quản lý công việc dễ dàng hơn

2.2. Vị trí, vai trò và ý nghĩa của việc thi online

Do đại dịch Covid-19 hiện các trường đang học trực tuyến. Cùng với việc học các trường tổ chức thi học kỳ, học phần, thậm chí thi tốt nghiệp hay bảo vệ khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến.

Nhà trường có thể đánh giá sinh viên một cách khách quan nhất về kết quả học tập của sinh viên sau các kỳ học, đảm bảo việc học tập được duy trì và không đứt đoạn trong bối cảnh hiện nay.

Đại dịch Covid bùng phát đã khiến nhiều nước trên thế giới chuyển hình thức học tập của sinh viên sang hình thức học tập trực tuyến. Tuy việc học tập đã được duy trì và không đứt đoạn nhưng việc thi cử để kiểm tra chất lượng học tập của sinh viên lại là một vấn đề khó khăn khi sinh viên không thể đến trường để kiểm tra trực tiếp. Vì vậy, nhiều trường đại học và cao đẳng đã lên phương án thi tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận bằng hình thức trực tuyến. Tuy

hiện, thi trực tuyến có đánh giá đúng chất lượng học tập của sinh viên? Và kết quả thi của sinh viên sẽ bị ảnh hưởng bởi những nhân tố nào?

Với mục đích là tìm hiểu, làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến việc thi online, nhóm tác giả đã thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Thông qua nghiên cứu này nhằm đánh giá những lợi ích, hạn chế của việc thi online bên cạnh đó cũng làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả thi online của sinh viên. Từ đó tìm ra những giải pháp để nâng cao chất lượng kết quả thi online của sinh viên. Cuối cùng, bài báo cáo giúp mọi người có cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về hình thức thi online.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Thứ nhất, cơ sở vật chất bao gồm: Thiết bị tham gia thi, đường truyền mạng và không gian thi.

Thứ hai, cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội bao gồm: Trước khi việc truy cập cổng thông tin điện tử của nhà trường, sau khi truy cập cổng thông tin điện tử của trường.

Thứ ba, kỹ năng làm bài và nộp bài bao gồm: Thao tác làm bài, khó khăn trong quá trình nộp bài, nhầm file bài thi, kỹ năng scan bài.

Thứ tư, cán bộ coi thi bao gồm: tác phong coi thi của cán bộ coi thi, giải quyết các vấn đề về sự cố khi sinh viên gặp phải, am hiểu những vấn đề có liên quan đến thi online để hướng dẫn nếu sinh viên còn chưa nắm được.

Thứ năm, tâm lý của sinh viên: Ảnh hưởng đến quá trình làm bài của sinh viên khiến bài làm không đạt được kết quả theo mong muốn.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra xã hội:

Phương pháp này được nhóm tác giả sử dụng để thu thập thông tin về cơ sở lý luận, (các công trình nghiên cứu trước đây) kinh nghiệm các nước, các số liệu thống kê. Lựa chọn những tài liệu phù hợp với vấn đề nghiên cứu, kể cả những nghiên cứu phù hợp chuyên ngành được khoa học đánh giá cao. Thu thập tất cả những tài liệu nghiên cứu phải liên quan đến đối tượng mà nhóm tác giả đang nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập dữ liệu:

Trên cơ sở thu thập dữ liệu từ sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để kiểm định thực trạng của hình thức thi online. Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp điều tra và xử lý thông tin định lượng. Quá trình thu thập thông tin được tiến hành bằng việc lập bảng hỏi, tiến hành khảo sát, xử lý số liệu. Dựa trên mô hình đề xuất và các giả thuyết, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng hỏi chi tiết cho từng nhân tố, mỗi nhân tố sẽ bao gồm một số lượng biến quan sát nhất định trong bảng hỏi. Trong bảng hỏi khảo

sát, nhóm nghiên cứu sử dụng thang đo Likert để đo lường như sau: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Đồng ý; (4) Rất đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Sử dụng chọn mẫu theo kiểu ngẫu nhiên, gửi phiếu khảo sát qua email và các diễn đàn, trang mạng xã hội. Phương pháp chọn mẫu này thuận lợi và có thể tiếp cận được với nhiều đối tượng.

- Phương pháp xử lý thông tin:

Phương pháp này giúp phân loại, sắp xếp các thông tin thu thập được theo từng nội dung, từng vấn đề, lĩnh vực một cách có hệ thống. Phân tích, so sánh, đối chiếu và lý giải các thông tin tìm kiếm được tức là xác định độ tin cậy của các nguồn tin. Đặc biệt các thông tin trái chiều cần phải xem xét một cách toàn diện, thấu đáo để lý giải được sự mâu thuẫn giữa các thông tin. Chọn ra những thông tin đầy đủ hơn, có độ tin cậy cao hơn.

- Phương pháp phân tích dữ liệu:

Phương pháp phân tích dữ liệu là quá trình thu thập, mô hình hóa và phân tích dữ liệu để rút ra những hiểu biết sâu sắc hỗ trợ việc ra quyết định. Trong bài NCKH này nhóm tác giả sử dụng chủ yếu dựa trên hai lĩnh vực cốt lõi: phương pháp định lượng và phương pháp định tính trong nghiên cứu. Ngoài ra sử dụng “Phương pháp phân tích mô tả” nó nhằm mục đích trả lời câu hỏi “điều gì đã xảy ra?” bằng cách sắp xếp, thao tác và diễn giải dữ liệu thô từ nhiều nguồn khác nhau để biến nó thành insights có giá trị cho đề tài NCKH của nhóm. Sử dụng phần mềm SPSS để phân tích rõ hơn những số liệu thu được.

- Phương pháp nghiên cứu định tính:

Nghiên cứu định tính được thực hiện qua việc: Đọc, tìm hiểu và phân tích các sách vở, tài liệu, các đề tài nghiên cứu trước đây có liên quan nhằm mục đích xây dựng cơ sở lý luận về lý thuyết liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi online. Từ đó, đưa ra mô hình nghiên cứu dự kiến liên quan đến mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và kết quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

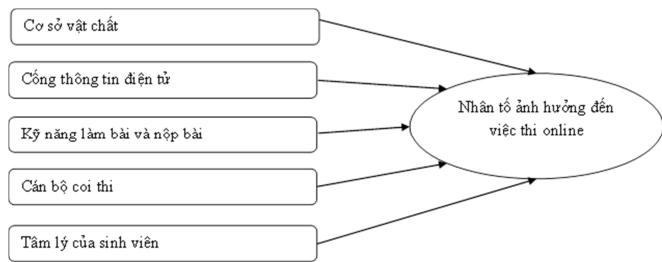
- Phương pháp nghiên cứu định lượng:

Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng phương pháp khảo sát bảng câu hỏi. Phiếu khảo sát được gửi trực tiếp đến sinh viên thuộc các ngành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trên cơ sở này, mô hình nghiên cứu dự kiến liên quan đến mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và kết quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được kiểm định để xác định chính xác hơn các yếu tố ảnh hưởng thực sự đến việc thi online của sinh viên tại trường.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Từ lý luận về yếu tố ảnh hưởng đến việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, kết hợp phương pháp thảo luận nhóm, hỏi ý kiến giáo viên hướng dẫn, nghiên cứu về một mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội gồm 5 nhân tố: (1) Cơ sở vật chất, (2) Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, (3) Kỹ

năng làm bài và nộp bài của sinh viên, (4) Cán bộ coi thi, (5) Tâm lý của sinh viên. Mô hình nghiên cứu được trình bày như hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Nhân tố 1: Cơ sở vật chất

- Thiết bị tham gia thi của sinh viên.
- Thiết bị tham gia coi thi của cán bộ coi thi.
- Đường truyền mạng của sinh viên không ổn định.
- Đường truyền mạng của giảng viên không ổn định.
- Mất điện.

Nhân tố 2: Công thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

- Quá tải lượng người truy cập (sập trang web).
- Lỗi hệ thống tham gia thi (Trước khi tham gia gì và trong quá trình thi).
- Lỗi hệ thống nộp bài thi.

Nhân tố 3: Kỹ năng làm bài và nộp bài

- Kỹ năng đánh máy.
- Hiểu về quy trình làm bài và nộp bài.
- Kỹ năng scan bài.
- Kỹ năng nộp bài (nhầm file, sai vị trí nộp bài).

Nhân tố 4: Cán bộ coi thi

- Tác phong coi thi.
- Cách giải quyết khi sinh viên gặp sự cố.

Nhân tố 5: Tâm lý của sinh viên

- Cán bộ coi thi.
- Tâm lý căng thẳng trước khi thi.
- Tập âm xung quanh.

Giải thuyết nghiên cứu

Các yếu tố ảnh hưởng tới việc thi online của sinh viên có thể đo lường bằng các yếu tố: Cơ sở vật chất, Công thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Kỹ năng làm bài và nộp bài, Cán bộ coi thi, Tâm lý của sinh viên.

- Cơ sở vật chất càng tốt, sinh viên sẽ có đủ điều kiện tham gia thi và không cần lo lắng.

- Công thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội càng tốt thì sinh viên dễ dàng truy cập vào phòng thi, nộp bài thi nhanh chóng.

- Kỹ năng làm bài và nộp bài càng tốt thì sự cố nộp nhầm file là không có, và bài scan không bị mờ tạo điều kiện cho giảng viên chấm thi.

- Cán bộ coi thi nhiệt tình thì sinh viên sẽ có cảm giác an tâm và hiểu hơn về quy trình nộp bài.

- Tâm lý của sinh viên tốt thì bài thi sẽ đạt kết quả tốt.

Thang đo: Các thang đo trong nghiên cứu được mô tả chi tiết như sau

Cơ sở vật chất ảnh hưởng đến hiệu quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

Công thông tin điện tử của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ảnh hưởng đến hiệu quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

Kỹ năng làm bài và nộp bài ảnh hưởng đến hiệu quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

Cán bộ coi thi ảnh hưởng đến hiệu quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

Tâm lý của sinh viên ảnh hưởng đến hiệu quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Số sinh viên các khoa tham gia khảo sát

		Khoa			
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Quản lý kinh doanh	69	34,5	34,5	34,5
	Điện tử	44	22,0	22,0	56,5
	Cơ khí	42	21,0	21,0	77,5
	Ngôn ngữ	17	8,5	8,5	86,0
	Kế kiểm	6	3,0	3,0	89,0
	CNTT	5	2,5	2,5	91,5
	Công nghệ hóa	3	1,5	1,5	93,0
	Ô tô	2	1,0	1,0	94,0
	May	7	3,5	3,5	97,5
	Du lịch	5	2,5	2,5	
	Total	200	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 2. Số sinh viên theo khóa

		Khóa			
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	K11	9	4,5	4,5	4,5
	K12	15	7,5	7,5	12,0
	K13	29	14,5	14,5	26,5
	K14	103	51,5	51,5	78,0
	K15	21	10,5	10,5	88,5
	K16	12	6,0	6,0	94,5
	K20	5	2,5	2,5	97,0
	K21	2	1,0	1,0	98,0
	K22	2	1,0	1,0	99,0
	khác	2	1,0	1,0	100,0
	Total	200	100,0	100,0	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Nghiên cứu bảng 1 ta thấy, số lượng phiếu thu được sau khi điều tra và sàng lọc phân bố không đồng đều giữa các khoa trong nhà trường. Số lượng sinh viên khoa Quản lý kinh doanh là cao nhất chiếm 34,5%, sau đó là khoa Điện tử là 22,0%.

Bảng 2 cho thấy, số lượng sinh viên khóa 14 có số phiếu thu về là 103 - cao nhất, chiếm 51,5% số với tổng số phiếu thu về. Tiếp đó là khóa 13 và khóa 15 có số phiếu tương ứng là 29 và 21 phiếu.

Bảng 3. Giới tính

Giới tính					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Nam	85	42,5	42,5	42,5
	Nữ	115	57,5	57,5	57,5
	Total	200	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 3 cho ta thấy, số lượng sinh viên nữ trả lời cao hơn số lượng sinh viên nam. Số lượng phiếu sinh viên nữ là 115 chiếm 57,5% và số phiếu của sinh viên nam là 85 chiếm 42,5%.

Bảng 4. Mức độ hiểu biết

Mức độ hiểu biết					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không tìm hiểu	33	16,5	16,5	16,5
	Tìm hiểu sơ sơ	89	44,5	44,5	61,0
	Đã rất rõ	78	39,0	39,0	22,5
	Total	200	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 7. Tổng phương sai trích

Component	Total Variance Explained								
	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	8,409	56,061	56,061	8,409	56,061	56,061	5,387	35,916	35,916
2	1,881	12,542	68,603	1,881	12,542	68,603	4,903	32,687	68,603
3	0,764	5,094	73,697						
4	0,680	4,530	78,227						
5	0,511	3,410	81,637						
6	0,451	3,008	84,645						
7	0,421	2,804	87,449						
8	0,373	2,489	89,938						
9	0,319	2,129	92,067						
10	0,266	1,777	93,844						
11	0,240	1,601	95,445						
12	0,231	1,537	96,982						
13	0,172	1,149	98,132						
14	0,142	,947	99,079						
15	0,138	,921	100,000						

Bảng 4 cho thấy, số lượng sinh viên tìm hiểu về việc thi chiếm tỷ lệ lớn nhất 44,5%. Bên cạnh đó vẫn chiếm đến 16,5% số lượng sinh viên không tìm hiểu về việc thi online.

Bảng 5. Học lực

Học lực					
		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Khá - trung bình	131	65,5	65,8	65,8
	Giỏi	51	25,5	25,6	91,5
	Xuất sắc	17	8,5	8,5	
	Total	199	99,5	100,0	100,0
Missing	System	1	,5		
Total		200	100,0		

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Nghiên cứu bảng 5 cho thấy, số lượng sinh viên đạt điểm khá - trung bình chiếm 65,8% tổng số sinh viên khảo sát nhưng bên cạnh đó, số lượng sinh viên đạt danh hiệu học sinh xuất sắc cũng chiếm tỷ lệ đáng kể, tăng vượt so với những năm khác.

4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Các thang đo được đánh giá thông qua công cụ chính là hệ số Cronbach Alpha. Hệ số Cronbach Alpha được sử dụng để loại bỏ các biến rác. Các biến có hệ số tương quan nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Tiêu chuẩn chọn thang đo khi nó có độ tin cậy Cronbach Alpha lớn hơn 0,6.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá trên phần mềm SPSS 26 đối với nhóm nhân tố độc lập được trình bày như bảng 6.

Bảng 6. Kiểm định KMO và Bartlett's

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	0,920	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2367,757
	df	105
	Sig.	0,000

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 6 đã trình bày cụ thể kết quả kiểm định KMO và Bartlett's. Trong đó KMO = 0,920 > 0,5 do đó kết quả này là đạt yêu cầu, hợp với dữ liệu thực tế. Kiểm định Bartlett's có giá trị Sig. = 0 < 0,05 nghĩa là các biến quan sát có sự tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Tổng phương sai trích là 68,603% cho biết giải thích được 68,603% biến thiên của các biến quan sát. Giá trị hệ số Eigenvalues là 4,903 lớn hơn 1 và trích được hai nhân tố

Bảng 8. Ma trận xoay

Rotated Component Matrix ^a		
	Component	
	1	2
Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 2	0,837	
Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 1	0,825	
Kỹ năng làm bài và nộp bài 1	0,793	
Tâm lý của sinh viên 2	0,791	
Kỹ năng làm bài và nộp bài 3	0,785	
Kỹ năng làm bài và nộp bài 2	0,780	
Tâm lý của sinh viên 1	0,722	
Tâm lý của sinh viên 3	0,630	
Cơ sở vật chất 3		0,830
Cơ sở vật chất 1		0,811
Cán bộ coi thi 2		0,791
Kỹ năng làm bài và nộp bài 4		0,779
Cơ sở vật chất 2		0,777
Cán bộ coi thi 1		0,774
Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 3		0,654

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

4.4. Phân tích hồi quy

Bảng 9. Kết quả hồi quy tuyến tính

Model Summary ^b					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,736 ^a	0,542	0,533	0,683	1,727

a. Predictors: (Constant), Cán bộ coi thi 2, Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 2, Cơ sở vật chất 2, Kỹ năng làm bài và nộp bài 2

b. Dependent Variable: Tâm lý của sinh viên 2

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 9 là bảng tóm tắt mô hình hồi quy, chú ý đến giá trị của cột Adjusted R Square (R bình phương hiệu chỉnh),

phản ánh các biến độc lập quyết định được 0.533 giá trị của biến TL2. 46,7% còn lại do các nhân tố khác ngoài mô hình hoặc do sai số quyết định.

Bảng 10. Kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính bội với tổng thể

ANOVA ^a						
Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	107,637	4	26,909	57,689	0,000 ^b
	Residual	90,958	195	0,466		
	Total	198,595	199			

a. Dependent Variable: Tâm lý của sinh viên 2

b. Predictors: (Constant), Cán bộ coi thi 2, Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 2, Cơ sở vật chất 2, Kỹ năng làm bài và nộp bài 2

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Bảng 10 Anova cho biết sự phù hợp của mô hình hồi quy thông qua kiểm định F, nếu Sig.Anova < 0,05 thì mô hình này phù hợp với thực tế. Thống kê giá trị F bằng 57,689 được dùng để kiểm định giả thiết H0, ở đây ta thấy mối quan hệ tuyến tính là rất có ý nghĩa với p_value nhỏ hơn 0,05. Ta có thể bác bỏ giả thuyết H0 cho rằng hệ số góc của năm nhân tố ảnh hưởng tới kết quả thi online của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội bằng 0.

Bảng 11. Bảng chi tiết mô hình hồi quy

Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
		1	(Constant)	0,348	0,190		1,836	0,068
Cơ sở vật chất 2	0,114		0,058	0,126	0,946	0,053	0,565	0,771
Cổng thông tin điện tử của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 2	0,288		0,066	0,284	4,338	0,000	0,548	0,824
Kỹ năng làm bài và nộp bài 2	0,348		0,064	0,358	5,428	0,000	0,539	0,855
Cán bộ coi thi 2	0,138		0,063	0,142	2,190	0,030	0,560	0,787

a. Dependent Variable: Tâm lý của sinh viên 2

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu SPSS 26.0)

Qua kết quả phân tích hồi quy ta có phương trình chuẩn hóa sau đây:

$$TL2 = 0,126.CSV2 + 0,284.CTTĐT2 + 0,358.KN2 + 0,142.CB2$$

5. KẾT LUẬN

Từ bài nghiên cứu trên, chúng ta có thể thấy có năm nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến quá trình và kết quả thi online gồm có: Cơ sở vật chất; Công nghệ thông tin điện tử; Kỹ năng làm bài và nộp bài; Cán bộ coi thi; Tâm lý của sinh viên. Tình hình diễn biến phức tạp, hình thức thi trực tuyến luôn là lựa chọn đầu tiên của các trường đại học nói chung và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng. Việc áp dụng thi theo hình thức trực tuyến giúp tiết kiệm được rất nhiều từ những khoản phí phải bỏ ra trong mỗi lần thi; Tiết kiệm thời gian cho giảng viên và sinh viên; Không cần mất công sức chấm bài và hạn chế chấm sai điểm; Kiến thức phủ rộng hơn; Đặc biệt là hệ thống hóa bài thi. Ngoài ra, còn có các chính sách, những biện pháp khác trong quá trình thi và thông báo kết quả thi một cách nhanh chóng, hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm thì nhược điểm của hình thức thi trực tuyến là sinh viên không có đủ điều kiện vật chất, thiết bị; Hệ thống trang điện tử nhà trường bị lỗi...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Thọ Hoàn, 2022. *Về việc tổ chức thi online hiệu quả trong bối cảnh Covid-19*. <https://vnexpress.net/cach-to-chuc-thi-truc-tuyen-hieu-qua-4279394.html>. [Đã truy cập 12/01/2022].
- [2]. NghiêM Huê, 2021. *Nhiều giải pháp chặn gian lận thi trực tuyến*. <https://tienphong.vn/nhieu-giai-phap-chan-gian-lan-thi-truc-tuyen-post1390205.tpo>. [Đã truy cập 20/3/2022].
- [3]. Ánh Ngân, 2021. *Thi online tại các trường đại học: Giám sát chặt chẽ, nhiều áp lực không kém thi trực tiếp*. <https://hoahoctro.tienphong.vn/thi-online-tai-cac-truong-dai-hoc-giam-sat-chat-che-nhieu-ap-luc-khong-kem-thi-truc-tiep-post1389918.tpo>. [Đã truy cập 10/3/2022].
- [4]. Lê Huyền, 2022. *Xuất hiện thi hộ online, đại học nhiều cách ứng phó*. <https://vietnamnet.vn/xuat-hien-thi-ho-online-dai-hoc-nhieu-cach-ung-pho-807928.html>. [Đã truy cập 15/03/2022].